

DOI: 10.58490/ctump.2025i91.4098

**KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH PHÒNG NGỪA CHUẨN
CỦA SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

Võ Thị Ngọc Quý, Nguyễn Tuấn Linh, Nguyễn Tuyết Kha, Danh Thị Tuyết Lan,
Lê Thị Tố Như, Thạch Thị Như Ý, Ngô Thị Dung, Nguyễn Thị Hồng*
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: ntlinh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/7/2025

Ngày phản biện: 19/7/2025

Ngày duyệt đăng: 25/9/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Phòng ngừa chuẩn là một nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát nhiễm khuẩn, đặc biệt quan trọng đối với sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học - những người thường xuyên tiếp xúc với máu và dịch cơ thể trong quá trình thực tập. Do chưa thuần thục kỹ thuật chuyên môn và kinh nghiệm lâm sàng còn hạn chế, sinh viên có nguy cơ cao bị phơi nhiễm nếu không hiểu và thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa chuẩn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mức độ hiểu biết và tuân thủ phòng ngừa chuẩn trong nhóm đối tượng này vẫn còn nhiều hạn chế. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ sinh viên có kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng ngừa chuẩn, và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 103 sinh viên kỹ thuật xét nghiệm y học năm thứ 3 và 4, sử dụng bộ câu hỏi tự điền, đánh giá kiến thức (15 câu); thái độ (10 câu) và thực hành (10 câu) về phòng ngừa chuẩn. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** Tỉ lệ sinh viên có kiến thức đúng về phòng ngừa chuẩn là 68,0%, thái độ tích cực là 59,2% và thực hành đúng là 60,2%. Kiến thức và thái độ có liên quan có ý nghĩa với các yếu tố như năm học, học lực, số học phần lâm sàng đã tham gia và việc đã học môn kiểm soát nhiễm khuẩn ($p < 0,05$). Trong khi đó, không có yếu tố nào được ghi nhận có liên quan đến thực hành. **Kết luận:** Tỉ lệ sinh viên có kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng ngừa chuẩn còn hạn chế. Cần tăng cường giáo dục thực hành và lồng ghép hiệu quả giữa lý thuyết với lâm sàng để nâng cao tuân thủ phòng ngừa chuẩn.

Từ khóa: Phòng ngừa chuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn, sinh viên xét nghiệm, kiến thức – thái độ - thực hành (KAP).

ABSTRACT

**KNOWLEDGE, ATTITUDES AND PRACTICES REGARDING
STANDARD PRECAUTIONS AMONG
MEDICAL LABORATORY TECHNOLOGY STUDENTS
AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY**

Vo Thi Ngoc Quy, Nguyen Tuan Linh, Nguyen Tuyet Kha, Danh Thi Tuyet Lan,
Le Thi To Nhu, Thach Thi Nhu Y, Ngo Thi Dung, Nguyen Thi Hong*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Standard precautions (SPs) are a fundamental principle in infection control, and are especially important for medical laboratory technology students who are frequently exposed to blood and body fluids during clinical training. Due to their limited clinical experience and lack of proficiency in technical skills, these students face a high risk of exposure if they do not fully understand and properly implement SP measures. However, in reality, their knowledge and compliance with standard precautions remain limited. **Objectives:** This study aimed to assess the

levels of knowledge, attitude, and practice (KAP) regarding standard precautions among medical laboratory technique students and to identify factors associated with KAP components. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 103 third- and fourth-year medical laboratory students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Data were collected using a structured self-administered questionnaire consisting of 35 items: 15 on knowledge, 10 on attitude (5-point Likert scale), and 10 on practice. Data analysis was performed using SPSS 20.0. **Results:** Adequate knowledge, positive attitude, and correct practice toward SPs were found in 68.0%, 59.2%, and 60.2% of students, respectively. Knowledge was significantly associated with academic year, performance, clinical modules, and infection control training. Attitude was linked to academic year and prior training. No factors were associated with practice. **Conclusion:** The proportion of students with adequate knowledge, attitudes, and practices regarding standard precautions remains limited. Strengthening practical training and effectively integrating theory with clinical practice are essential to improve compliance with standard precautions.

Keywords: Standard precautions, infection control, medical laboratory technique students, Knowledge – Attitude – Practice (KAP).

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phòng ngừa chuẩn (PNC) là tập hợp các biện pháp phòng ngừa cơ bản, là thực hành tối thiểu bắt buộc trong kiểm soát nhiễm khuẩn, cần được áp dụng nhất quán cho mọi người bệnh, ở mọi thời điểm và mọi cơ sở y tế, dựa trên nguyên tắc coi tất cả máu, chất tiết, chất bài tiết (trừ mồ hôi) đều có nguy cơ lây truyền bệnh [1], [2]. Thực hiện các biện pháp PNC đóng góp quan trọng vào việc giảm tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện, hạn chế sự lây truyền cho nhân viên y tế và người bệnh, đảm bảo an toàn cho người bệnh, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện [2].

Sinh viên ngành y tế nói chung và sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học nói riêng là nhóm có nguy cơ cao phơi nhiễm trong quá trình học lâm sàng. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu kinh nghiệm, kỹ năng thao tác còn hạn chế, đặc biệt khi thực hiện các kỹ thuật tiếp xúc trực tiếp với máu, dịch tiết và bệnh phẩm [3]. Những yếu tố này không chỉ gây nguy cơ cho bản thân sinh viên mà còn ảnh hưởng đến an toàn của người bệnh và nhân viên y tế. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt về kiến thức, thái độ và thực hành (KAP: knowledge, attitude, practice) trong kiểm soát nhiễm khuẩn, bao gồm cả PNC, cũng góp phần làm gia tăng nguy cơ phơi nhiễm trong môi trường lâm sàng [4].

Nghiên cứu này nhằm đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) về PNC ở sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, đồng thời tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến KAP của sinh viên. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để xây dựng các biện pháp nhằm nâng cao năng lực thực hành an toàn và hiệu quả cho sinh viên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm các sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học năm thứ 3 và thứ 4, đã tham gia ít nhất 1 học phần lâm sàng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:** được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với $\alpha = 0,05$ thì $Z(1-\alpha/2) = 1,96$. Chọn $d = 0,1$; p là tỉ lệ ước tính của đối tượng có kiến thức tốt hoặc và thực hành đúng phòng ngừa chuẩn theo nghiên cứu của Nguyễn Hồng Yên lần lượt là 84,2% và 52,4%, lần lượt thay p bằng các giá trị vào công thức, ta được $n = 51$ và $n = 96$. Để đảm bảo độ tin cậy, chọn $n = 96$. Thực tế, có 140 sinh viên thuộc đối tượng nghiên cứu được mời tham gia và thu được 103 phiếu khảo sát hợp lệ, đạt tỉ lệ phản hồi 73,6%.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Dữ liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền, sử dụng bộ câu hỏi được xây dựng bởi Nguyễn Hồng Yên và Nguyễn Hồng Khánh Linh [5], đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về sử dụng phương tiện phòng hộ, xử lý vật sắc nhọn, dự phòng phơi nhiễm HIV, vệ sinh tay và kiểm soát lây nhiễm. Tổng cộng có 35 câu hỏi, cụ thể như sau:

Kiến thức (15 câu): Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm; trả lời sai hoặc không biết được 0 điểm. Tổng điểm dao động từ 0 đến 15. Kiến thức được đánh giá là "đúng" khi tổng điểm đạt từ 70% trở lên (≥ 11 điểm).

Thái độ (10 câu): Được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ "rất không đồng ý" đến "rất đồng ý". Điểm của mỗi câu trả lời được tính từ 0 đến 4, tương ứng với thái độ rất tiêu cực (0 điểm) đến thái độ rất tích cực (4 điểm). Tổng điểm tối đa là 40. Thái độ được xem là tích cực khi đạt từ 70% tổng điểm trở lên (≥ 28 điểm).

Thực hành (10 câu): Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm; trả lời sai hoặc không biết được 0 điểm. Tổng điểm dao động từ 0 đến 10. Thực hành được đánh giá là "đúng" khi đạt từ 70% trở lên (≥ 7 điểm).

Phương pháp xử lý số liệu: Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn, tần số, tỉ lệ) được sử dụng để mô tả đặc điểm chung của đối tượng và kết quả KAP về PNC. Các yếu tố liên quan đến KAP được phân tích bằng phép kiểm Chi bình phương và tính tỉ số chênh (OR). Giá trị $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu tuân thủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phê duyệt theo Quyết định số 24.048.SV/PCTHĐĐĐ ngày 09 tháng 11 năm 2024.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiến thức, thái độ, thực hành về PNC của sinh viên

Tổng số có 103 sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ chiếm 66,0% ($n = 68$) và nam chiếm 34,0% ($n = 35$). Trong đó, sinh viên năm 3 chiếm 60,2% ($n = 62$) và năm 4 chiếm 39,8% ($n = 41$). Về học lực, phần lớn sinh viên có học lực khá (54,4%, $n = 56$), tiếp đến là giỏi (29,1%, $n = 30$), trung bình (9,7%, $n = 10$) và xuất sắc (6,8%, $n = 7$). Có 50,5% sinh viên đã học từ 1–2 học phần lâm sàng ($n = 52$), trong khi 49,5% đã học từ 3 học phần trở lên ($n = 51$). Có 53,4% sinh viên đã học môn kiểm soát nhiễm khuẩn ($n = 55$) và 46,6% chưa học ($n = 48$). Nguồn kiến thức về PNC chủ yếu đến từ nhà trường (67,0%, $n = 69$), các nguồn ngoài trường (19,4%, $n = 20$), phối hợp trong và ngoài trường (13,6%, $n = 14$).

Bảng 1. Kiến thức, thái độ, thực hành về PNC của sinh viên ($N = 103$)

		Tần số	Tỉ lệ	Trung bình - ĐLC
Kiến thức	Không đúng	33	32.0	11,69 ± 1,83
	Đúng	70	68.0	
Thái độ	Không tích cực	42	40.8	27,78 ± 6,09

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 91/2025

		Tần số	Tỉ lệ	Trung bình - ĐLC
Thực hành	Tích cực	61	59.2	6,84 ± 1,51
	Không đúng	41	39.8	
	Đúng	62	60.2	

Nhận xét: tỉ lệ sinh viên có kiến thức đúng là cao nhất (68,0%), tiếp theo là tỉ lệ sinh viên thực hành đúng (60,2%). Tỉ lệ sinh viên có thái độ tích cực là thấp nhất (59,2%).

3.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về PNC

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về PNC của sinh viên

		Kiến thức		Tổng (n, %)	OR (KTC 95%)	p (χ^2)
		Không đúng	Đúng			
Giới	Nam	12 (34,3%)	23 (65,7%)	35 (100%)	1,168 (0,491 - 2,779)	0,726
	Nữ	21 (30,9%)	47 (69,1%)	68 (100%)		
Năm học	Năm 3	25 (40,3%)	37 (59,7%)	62 (100%)	2,787 (1,106 - 7,023)	0,027
	Năm 4	8 (19,5%)	33 (80,5%)	41 (100%)		
Học lực	Khá – trung bình	28 (42,4%)	38 (57,6%)	66 (100%)	4,716 (1,631 - 13,631)	0,003
	Giỏi – xuất sắc	5 (13,5%)	32 (86,5%)	37 (100%)		
Số học phần lâm sàng đã học	1 – 2	22 (42,3%)	30 (57,7%)	52 (100%)	2,667 (1,123 - 6,332)	0,024
	≥ 3	11 (21,6%)	40 (78,4%)	51 (100%)		
Học kiểm soát nhiễm khuẩn	Chưa học	21 (43,8%)	27 (56,2%)	48 (100%)	2,787 (1,183 - 6,567)	0,017
	Đã học	12 (21,8%)	43 (78,2%)	55 (100%)		
Nguồn kiến thức	Trường	22 (31,9%)	47 (68,1%)	69 (100%)	0,979 (0,406 - 2,357)	0,962
	Tổng hợp	11 (32,4%)	23 (67,6%)	34 (100%)		

Nhận xét: kiến thức PNC của sinh viên liên quan đến năm học (OR = 2,287; p = 0,027), học lực (OR = 4,716; p = 0,003), số học phần lâm sàng đã tham gia (OR = 2,667; p = 0,024), và việc tham gia học phần kiểm soát nhiễm khuẩn (OR = 2,787; p = 0,017). Các yếu tố còn lại gồm giới tính và nguồn kiến thức không liên quan đến kiến thức PNC của sinh viên.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến thái độ về PNC của sinh viên

		Thái độ		Tổng (n, %)	OR (KTC 95%)	p (χ^2)
		Không tích cực	Tích cực			
Giới	Nam	14 (40,0%)	21 (60,0%)	35 (100%)	0,952 (0,415 - 2,186)	0,908
	Nữ	28 (41,2%)	40 (58,8%)	68 (100%)		
Năm học	Năm 3	33 (53,2%)	29 (46,8%)	62 (100%)	4,046 (1,658 - 9,873)	0,002
	Năm 4	9 (22,0%)	32 (78,0%)	41 (100%)		
Học lực	Khá - trung bình	29 (43,9%)	37 (56,1%)	66 (100%)	1,447 (0,630 - 3,324)	0,383
	Giỏi - xuất sắc	13 (35,1%)	24 (64,9%)	37 (100%)		
Số học phần lâm sàng đã học	1 – 2	26 (50,0%)	26 (50,0%)	52 (100%)	2,188 (0,980 - 4,885)	0,054
	≥ 3	16 (31,4%)	35 (68,6%)	51 (100%)		
Học kiểm soát nhiễm khuẩn	Chưa học	26 (54,2%)	22 (45,8%)	48 (100%)	2,881 (1,278 - 6,495)	0,010
	Đã học	16 (29,1%)	39 (70,9%)	55 (100%)		
	Trường	29 (42,0%)	40 (58,0%)	69 (100%)	1,171	0,713

	Thái độ		Tổng (n, %)	OR (KTC 95%)	p (χ^2)
	Không tích cực	Tích cực			
Nguồn kiến thức	Tổng hợp	11 (32,4%)	23 (67,6%)	34 (100%)	(0,505 – 2,715)

Nhận xét: Thái độ về PNC của sinh viên liên quan đến năm học (OR = 4,046; p = 0,002) và việc tham gia học phần kiểm soát nhiễm khuẩn (OR = 2,881; p = 0,010). Các yếu tố còn lại gồm giới tính, học lực, số học phần lâm sàng đã học và nguồn kiến thức không liên quan đến thái độ về PNC của sinh viên.

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến thực hành PNC của sinh viên

	Thực hành		Tổng (n, %)	OR (KTC 95%)	p (χ^2)
	Không đúng	Đúng			
Giới	Nam	16 (45,7%)	19 (54,3%)	1,448 (0,633 - 3,314)	0,379
	Nữ	25 (36,8%)	43 (63,2%)		
Năm học	Năm 3	27 (43,5%)	35 (56,5%)	1,488 (0,657 - 3,370)	0,340
	Năm 4	14 (34,1%)	27 (65,9%)		
Học lực	Khá – trung bình	29 (43,9%)	37 (56,1%)	1,633 (0,703 – 3,792)	0,252
	Giỏi – xuất sắc	12 (32,4%)	25 (67,6%)		
Số học phần lâm sàng đã học	1 – 2	23 (44,2%)	29 (55,8%)	1,454 (0,658 - 3,214)	0,354
	≥ 3	18 (35,3%)	33 (64,7%)		
Học kiểm soát nhiễm khuẩn	Chưa học	20 (41,7%)	28 (58,3%)	1,156 (0,524 - 2,550)	0,719
	Đã học	21 (38,2%)	34 (61,8%)		
Nguồn kiến thức	Trường	26 (37,7%)	43 (62,3%)	0,766 (0,333 – 1,763)	0,530
	Tổng hợp	11 (32,4%)	23 (67,6%)		

Nhận xét: Không có yếu tố nào liên quan đến thực hành PNC của sinh viên.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ, thực hành PNC của sinh viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có tỉ lệ kiến thức đúng, thực hành đúng và thái độ tích cực về PNC còn hạn chế. Khoảng cách giữa KAP trong kiểm soát nhiễm khuẩn nói chung và PNC nói riêng đã được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu trước, phản ánh sự lệch pha giữa nội dung đào tạo và thực tế thực hành lâm sàng [3], [4], [5], [6].

Trong nghiên cứu này, mặc dù có sự chênh lệch giữa tỉ lệ kiến thức đúng, thái độ tích cực và thực hành đúng, nhưng mức độ chênh lệch không quá 10%. So sánh với nghiên cứu của Nguyễn Hồng Yên và Nguyễn Hồng Khánh Linh, có thể thấy sự khác biệt đáng kể, khi nhóm tác giả ghi nhận tỉ lệ kiến thức đúng cao (84,2%) nhưng thực hành đúng chỉ đạt 52,7% [5]. Trong khi đó, nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự lại cho thấy xu hướng ngược lại với tỉ lệ thực hành đúng (87,0%) cao hơn so với kiến thức (85,9%) [7].

Đáng chú ý, kết quả nghiên cứu về kiến thức PNC của chúng tôi khá quan hơn so với một số nghiên cứu khác. Nghiên cứu của Vũ Thị Thu Thủy và Trương Tuấn Anh chỉ ghi nhận 5,9% sinh viên có kiến thức đúng, trong khi Đỗ Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Huế ghi nhận tỉ lệ này là 47,7% [8], [9]. Nghiên cứu của Nguyễn Lê Khả Ái và cộng sự tại cùng khu vực cũng cho thấy mức độ kiến thức còn hạn chế, với chỉ 11,1% sinh viên đạt chuẩn [10].

Từ những so sánh trên có thể thấy rằng, dù kết quả nghiên cứu hiện tại ở mức tương đối tích cực, nhưng vẫn tồn tại khoảng trống về kiến thức PNC. Điều này tiềm ẩn nguy cơ phơi nhiễm trong quá trình học tập lâm sàng, đặc biệt đối với sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm – nhóm có nguy cơ cao do thường xuyên tiếp xúc với máu và bệnh phẩm. Do đó, việc tăng cường đào tạo, cập nhật kiến thức, kết hợp với mô phỏng và giám sát thực hành là cần thiết để đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

Kiến thức được xem là nền tảng giúp hình thành thái độ đúng đắn và định hướng cho thực hành, trong khi thái độ đóng vai trò là động lực thúc đẩy sự thay đổi trong thực hành [11]. Trong nghiên cứu này, tỉ lệ sinh viên có thái độ tích cực về PNC chỉ đạt 59,2%, cho thấy mức độ nhận thức tích cực chưa cao. Kết quả này thấp hơn đáng kể so với nghiên cứu của Nguyễn Lê Khả Ái và cộng sự, trong đó 83,7% sinh viên có thái độ tích cực về PNC [10].

Dù thái độ được xem là yếu tố quan trọng trong việc chuyển hóa kiến thức thành hành vi, nhiều nghiên cứu trên nhân viên y tế cũng cho thấy tỉ lệ có thái độ tích cực về PNC còn hạn chế [6], [12]. So sánh với nghiên cứu của Đỗ Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Huệ, với tỉ lệ sinh viên có thái độ tích cực về PNC chỉ 46,7%, thì nghiên cứu của chúng tôi có kết quả cao hơn đáng kể [9]. Để nâng cao mức độ tuân thủ PNC, việc tăng cường kiến thức là cần thiết nhưng chưa đủ; cần triển khai các can thiệp nhằm cải thiện thái độ của sinh viên, thông qua giáo dục lồng ghép giá trị nghề nghiệp, mô phỏng tình huống thực tiễn và phản hồi tích cực từ giảng viên lâm sàng.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành PNC

Một số yếu tố như năm học, học lực, số học phần lâm sàng và việc đã học môn kiểm soát nhiễm khuẩn cho thấy mối liên quan rõ rệt với kiến thức về PNC. Sinh viên năm cuối, có học lực khá – giỏi và đã tiếp xúc nhiều với thực hành lâm sàng thường có mức độ nhận thức và thái độ tích cực hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự, khi nhóm tác giả cũng ghi nhận sinh viên năm cuối có kết quả tốt hơn về kiến thức và thái độ do đã tích lũy được nhiều trải nghiệm thực hành và kiến thức chuyên môn [7]. Thực tế, thời gian thực hành lâm sàng dài hơn không chỉ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng mà còn góp phần củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao nhận thức về an toàn trong thực hành.

Ngược lại, không có yếu tố nào trong số các biến khảo sát cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành PNC. Kết quả này khác biệt so với một số nghiên cứu trước. Nghiên cứu của Abalkhail và cộng sự ghi nhận mối liên quan giữa thực hành PNC với các yếu tố như tuổi, giới, kinh nghiệm lâm sàng, được đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn [12]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thủy ghi nhận mối liên quan giữa thực hành PNC với năm học, trong đó, sinh viên năm cuối thực hành PNC tốt hơn so với sinh viên năm thứ 3 [7].

Theo mô hình lý thuyết KAP, kiến thức và thái độ đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và thay đổi hành vi thực hành [11]. Do đó, để cải thiện thực hành về PNC một cách bền vững, cần có sự kết hợp giữa nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ tích cực và cung cấp môi trường lâm sàng phù hợp để sinh viên được rèn luyện kỹ năng một cách thực tế và thường xuyên.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học có kiến thức đúng, thái độ tích cực và thực hành đúng về PNC còn hạn chế. Kiến thức PNC liên quan đến năm học, học lực, số học phần lâm sàng và việc đã học môn Kiểm soát nhiễm khuẩn;

thái độ liên quan đến năm học và môn học này. Không có yếu tố nào liên quan đến thực hành PNC. Kết quả cho thấy cần tăng cường giáo dục thực hành và lồng ghép hiệu quả giữa lý thuyết với lâm sàng để nâng cao năng lực tuân thủ PNC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 09 năm 2012 hướng dẫn thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn. 2012. Hà Nội.
 2. World Health Organization. Standard precautions for the prevention and control of infections: aide-memoire. 2022.
 3. Nguyen T. T. L., Pham T. T. H., So S., Hoang T. H. V., Nguyen T. T. U. *et al.* Knowledge, attitudes and practices toward hepatitis B virus infection among students of medicine in Vietnam. *International journal of environmental research and public health*. 2021. 18(13), 7081, <https://doi.org/10.3390/ijerph18137081>.
 4. Aldhamy H., Maniatopoulos G., McCune V. L., Mansi I., Althaqafy M., and Pearce M. S. Knowledge, attitude and practice of infection prevention and control precautions among laboratory staff: a mixed-methods systematic review. *Antimicrobial Resistance & Infection Control*. 2023. 12(1), 57, <https://doi.org/10.1186/s13756-023-01257-5>.
 5. Nguyễn Hồng Yến, Nguyễn Hồng Khánh Linh. Kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn của sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Y dược học Phạm Ngọc Thạch*. 2023. 2(2), 191-198, <https://doi.org/10.59715/pntjmp.2.2.24>.
 6. Abuduxike G., Vaizoglu S. A., Asut O. and Cali S. An assessment of the knowledge, attitude, and practice toward standard precautions among health workers from a hospital in Northern Cyprus. *Safety and health at work*. 2021. 12(1), 66-73, <https://doi.org/10.1016/j.shaw.2020.09.003>.
 7. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hồng Mận, Đinh Thị Xuân Thu và Nguyễn Thị Minh Trang. Kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng năm 3 và 4 Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm học 2023-2024. *Tạp Chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*. 2024. 63-70, <https://doi.org/10.59294/HIUJS.31.2024.665>.
 8. Vũ Thị Thu Thủy, Trương Tuấn Anh. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2018. *Khoa học Điều dưỡng*. 2018. 1(2), 84-89, <https://doi.org/10.54436/jns>.
 9. Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Huế. Kiến thức và thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 530(2), <https://doi.org/10.51298/vmj.v530i2.6807>.
 10. Nguyễn Lê Khả Ái, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thị Kim Tường, Trần Như Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Mai và cộng sự. Kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024. (80), 168-174, <https://doi.org/10.58490/ctump.2024i80.3026>.
 11. Kang K., Bagaouis M. A. P., and KANG K. Research Status of the Knowledge-Attitude-Practice Theory Model in Gastric Cancer Prevention. *Cureus*. 2024. 16(7), <https://doi.org/10.7759/cureus.64960>.
 12. Abalkhail A., Al Imam M. H., Elmosaad Y. M., Jaber M. F., Hosis K. A. *et al.* Knowledge, attitude and practice of standard infection control precautions among health-care workers in a university hospital in Qassim, Saudi Arabia: a cross-sectional survey. *International journal of environmental research and public health*. 2021. 18(22), 11831, <https://doi.org/10.3390/ijerph182211831>.
-